

## VỀ VIỆC NGHIÊN CỨU TỔ CHỨC VÀ QUAN HỆ XÃ HỘI CÁC DÂN TỘC

LƯU HÙNG

**T**ổ chức xã hội và quan hệ xã hội là phần quan trọng trong đời sống của bất cứ tộc người nào, và nghiên cứu về lĩnh vực này là một trong các hướng quan tâm của dân tộc học. Để hiểu biết về một tộc người, một cộng đồng, một xã hội, đương nhiên không thể coi nhẹ tìm hiểu tổ chức xã hội và quan hệ xã hội.

Trong thực tế, ở nước ta những vấn đề thuộc về tổ chức xã hội và quan hệ xã hội của các dân tộc được dân tộc học chú trọng nghiên cứu ngay từ đầu, thậm chí có phần hơn một số phương diện nghiên cứu khác. Ở những mức độ khác nhau, việc nghiên cứu đã được tiến hành đối với các vùng, các tộc trong toàn quốc, ở cả người Kinh cũng như 53 dân tộc anh em. Có thể nói, cùng với lịch sử ngành dân tộc học Việt Nam dưới chế độ ta, bên cạnh các mũi nghiên cứu về lịch sử tộc người, về văn hóa vật chất, về sinh hoạt kinh tế, về tín ngưỡng - tôn giáo, v.v..., quá trình nghiên cứu về tổ chức xã hội và quan hệ xã hội các dân tộc đã trải một chặng thời gian khá dài, với sự đóng góp công sức và trí tuệ của các thế hệ những người nghiên cứu. Thêm nữa, nó thu hút - tuy không thường xuyên - cả một số nhà sử học tham gia, chủ yếu là nghiên cứu về người Kinh. Đến nay, hiểu biết về lĩnh vực này đã được tích lũy đáng kể. Những tri thức ấy không chỉ nằm trong các monographie ngắn hoặc dài về từng dân tộc, hay xen lẫn trong các công trình viết có phổ rộng, hay được đề cập bởi có liên quan trong đề tài khác, mà còn chứa đựng tập trung trong một số chuyên khảo dưới dạng bài tạp chí, luận văn, cuốn sách, báo cáo khoa học. Nói riêng, trong 25 năm qua,

trong hàng loạt công trình nghiên cứu của Viện Dân tộc học hoặc của cá nhân cán bộ trong Viện, đã có không ít những trang, những chương, những phần, những bài viết thuộc chủ đề đã nêu.

Những kết quả nghiên cứu đã đạt được, cùng với thành tựu nghiên cứu trong các lĩnh vực khác của đời sống các tộc người cho phép nhìn nhận ngày càng sát thực và đầy đủ về xã hội của cư dân các vùng, các tộc cụ thể. Đã có những hiểu biết cơ bản - cả bức tranh toàn cảnh cũng như các đặc điểm, đặc thù - về các dạng thức tổ chức xã hội và các quan hệ xã hội trong đời sống cổ truyền của từng dân tộc. Việc nghiên cứu ấy đưa lại khối tư liệu lớn, đóng góp không nhỏ cho khoa học, đặc biệt đối với nghiên cứu xã hội tiên nhà nước, sự hình thành nhà nước sơ khai, các loại hình lịch sử công xã, sự phát triển chế độ sở hữu, sự chuyển biến từ quan hệ huyết thống sang quan hệ láng giềng, sự tiến hóa từ xã hội nguyên thủy sang xã hội có giai cấp, v.v... Đồng thời, đóng góp cho thực tiễn cũng không nhỏ. Rõ ràng, tổ chức xã hội và quan hệ xã hội có ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đối với mọi cải biến cách mạng, mọi sự phát triển của cư dân. Chẳng hạn, sau nhiều năm tìm hiểu người Ba-na, vị chánh sứ tỉnh Kon Tum thời Pháp là P. Guilemine đã đưa ra được lời giải đáp về sự khó khăn, chậm chạp của công cuộc truyền bá đạo Ki-tô trên địa hạt Kom Tum suốt hàng thế kỷ: "Muốn kết luận một cách khách quan, tôi cho rằng những cố gắng của Hội truyền giáo bị cản trở bởi một số hình thức tổ chức xã hội của người Bahnar hơn là bị tín ngưỡng và sự dung thứ và tôn giáo của họ cản trở" (1). Trước kia, cũng như ngày nay, và ở đâu cũng thế, việc hiểu biết và ứng xử đối với tổ chức xã hội và quan hệ xã hội cổ truyền có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Nghiên cứu nó để giúp ích cho công tác thực tiễn là cần thiết và dân tộc học đã có đóng góp đáng kể về mặt này qua nghiên cứu của mình.

Nhân kỷ niệm 25 năm ngày thành lập Viện Dân tộc học, đáng được xem như một cái mốc trên tiến trình phát triển của dân tộc học Việt Nam, riêng tôi muốn nêu vài ý kiến để tham gia trao đổi quanh việc nghiên cứu tổ chức xã hội và quan hệ xã hội các dân tộc như sau:

1. Từ trước tới nay, trong giới nghiên cứu chúng ta, nhận thức về các khái niệm “tổ chức xã hội” và “quan hệ xã hội” không hẳn đã thống nhất. Theo quan niệm của mỗi tác giả, tổ chức xã hội và quan hệ xã hội được trình bày với phạm vi nội dung đề cập có phần khác nhau, cả mối liên hệ giữa 2 khái niệm cũng có những cách hiểu không giống nhau.

Một số người phân biệt phạm trù tổ chức xã hội với phạm trù quan hệ xã hội, ví dụ: trong cuốn “Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía nam) (2), khi viết về người Khơ-me, có đoạn riêng về chế độ ruộng đất và quan hệ xã hội, có đoạn riêng về tổ chức phum, sóc; trong cuốn “Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên” (3), phần trình bày về người Chứt có mục “Tổ chức xã hội” và mục “Quan hệ xã hội” riêng rẽ; trong cuốn “Các dân tộc tỉnh Gia-Lai-Công Tum” (4), khi viết về người Ba-na cũng như người Xơ-đăng, các tác giả đều có mục “Tổ chức và quan hệ xã hội”; trong cuốn “Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng” (5), bài “Về một số đặc trưng của xã hội người Chil và Lạt” có riêng phần “Tổ chức quản lý xã hội truyền thống của người Chil và Lạt”.

Trong khi đó, nhiều trường hợp khác, dưới đề mục “Quan hệ xã hội”, các tác giả trình bày cả về tổ chức xã hội. Có thể thấy cách viết này trong cuốn “Đại cương về các dân tộc Êđê, Mnông ở Đak Lak” (6) (chương “Các quan hệ xã hội”), cuốn “Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)” (7) (“Dân tộc Thái”, “Dân tộc Tày”, “Dân tộc Nùng”), cuốn “Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam” (8) (“Nhóm Khmú”, “Nhóm Xinh Mun”, “Nhóm Mảng”), cuốn “Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum” (4) (“Dân tộc Gia rai”), cuốn “Các dân tộc ít người

ở Bình Trị Thiên” (3) (“Dân tộc Tà Ôi”, “Dân tộc Vân Kiều”, “Dân tộc Cơ Tu”), và cả trong một số công trình của chính tác giả bản tham luận này (9).

Loại thứ 3, tổ chức xã hội được hiểu là bao gồm cả quan hệ xã hội. Ví dụ: cuốn “Các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam” (10) (chương 5), cuốn “Người Sán Diu ở Việt Nam” (11) (chương 4), cuốn “Vấn đề dân tộc ở Sông Bé” (12) (bài “Tổ chức xã hội của người Stiêng”), cuốn “Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng” (các bài: “Người Mạ”, “Người Kôho”, “Người Churu”).

Tùy thuộc quan niệm có sự xô dịch như vậy, phạm vi vấn đề nghiên cứu do các tác giả thực hiện cũng linh hoạt. Thường gặp hơn, những nội dung của cả tổ chức xã hội lẫn quan hệ xã hội cùng được nhất loạt thể hiện. Bên cạnh đó, cũng có những công trình tập trung đề cập riêng về tổ chức xã hội, như: “Tổ chức xã hội của các dân tộc miền núi ở cao nguyên Tây Nguyên (Việt Nam) thế kỷ XIX-XX” (13), “Góp phần tìm hiểu các loại hình tổ chức xã hội cổ truyền của người Chăm ở Thuận Hải” (14), “Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ” (15).

Viết về tổ chức và quan hệ xã hội ở các tộc người, phần đông các tác giả đi vào những khía cạnh sau đây: các cấp độ tổ chức dân cư và hành chính, hình thức cư trú, hệ thống tổ chức quản lý và phương thức điều hành đời sống chung trong từng đơn vị tổ chức ấy, kết cấu dân cư, chế độ sở hữu (đặc biệt sở hữu đất đai), sự phân hóa xã hội, các quan hệ cộng đồng, quan hệ bóc lột, mối liên hệ trong và ngoài đơn vị tổ chức xã hội. Nhưng cũng có một số tác giả bao quát vào đó cả vấn đề dòng họ, như trong cuốn “Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ” (15), trong các công trình “Tổ chức xã hội của các dân tộc miền núi ở cao nguyên Tây Nguyên (Việt Nam) thế kỷ XIX - XX” (13), “Tổ chức xã hội của người Stiêng” (12), “Góp phần tìm hiểu các loại hình

tổ chức xã hội cổ truyền của người Chăm ở Thuận Hải” (14). Với một số trường hợp khác, cùng với dòng họ có cả hôn nhân và gia đình nữa, ví dụ như: chương 5 trong cuốn “Các dân tộc Tây, Nùng ở Việt Nam” (10), chương 2 trong cuốn “Đại cương về các dân tộc Êđê, Mnông ở Đak Lak” (6), “Người Mạ” và “Người Kôho” trong cuốn “Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng” (5). Nghĩa là, với loại trước, không bao hàm các khía cạnh về dòng họ, gia đình và hôn nhân; còn với loại sau thì bao hàm thêm các khía cạnh ấy, hay chỉ một khía cạnh dòng họ trong số đó. Nhiều tác giả tuy tách bạch quan hệ xã hội khỏi lĩnh vực quan hệ dòng họ, hôn nhân và gia đình, nhưng đặt tất cả các phần ấy vào một mục viết, dưới một tit đề mục chung có đủ cả 4 nội dung, kiểu như: “Quan hệ xã hội, dòng họ, gia đình và hôn nhân”. Có thể gặp hình thức này trong cuốn “Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)” (7) (“Dân tộc Tày”, “Dân tộc Nùng”), cuốn “Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam” (8) (“Nhóm Măng”), cuốn “Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum” (4) (“Dân tộc Giê-Triêng”).

Đáng chú ý, có khi trong cùng một cuốn sách, thậm chí cùng một tác giả, cũng thể hiện sự bất nhất như vừa nói trên. Có thể lấy vài ví dụ: Trong cuốn “Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên” (3), ở phần “Dân tộc Chứt”, mục “Quan hệ xã hội” được tiếp nối sau mục “Tổ chức xã hội”; trong khi đó ở các phần về các dân tộc khác, “Quan hệ xã hội” được viết dưới dạng gồm nội dung của cả 2 mục kia; thêm nữa, riêng về quan hệ xã hội của người Tà - Ôi có trình bày vấn đề dòng họ, mà điều này không thấy trong mục tương tự khi đọc các phần viết về người Bru-Vân Kiều, người Cơ-tu, người Chứt. Trong cuốn “Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng” (5), khi viết “Người Churu”, tác giả không đề cập đến vấn đề gia đình và hôn nhân ở phần “Tổ chức xã hội”, nhưng trong bài “Người Kôho” liền ngay trước đó, cũng do

tác giả này tham gia viết, thì quan hệ gia đình và hôn nhân là một nội dung của phần “Tổ chức xã hội”.

2. Nghiên cứu về xã hội làng chiếm vị trí quan trọng nổi bật trong nghiên cứu về tổ chức và quan hệ xã hội các dân tộc nói chung. Đã có một số công trình mang tính chuyên khảo về đề tài này, của dân tộc học cũng như ngoài dân tộc học, có thể kể đến như: “Nông thôn Việt Nam trong lịch sử” (16), “Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ” (15), “Lệ làng phép nước” (17), “Tìm hiểu làng Việt” (18), “Làng Việt Nam - một số vấn đề kinh tế - xã hội” (19), “Buôn làng cổ truyền các tộc người Trường Sơn - Tây Nguyên” (20), v.v... Coi trọng nghiên cứu làng là hợp lý, bởi làng là một thực thể xã hội đặc biệt quan trọng, là đơn vị tổ chức xã hội cơ sở, và có nơi, như vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, đó là đơn vị tổ chức xã hội độc lập, cao nhất trong xã hội cổ truyền. Đương nhiên, các hình thức tổ chức chính trị - xã hội bên trên làng và mối quan hệ giữa nó với làng cũng đồng thời được các nhà nghiên cứu tìm hiểu khá kỹ. Ở nước ta, do nhiều biến động lịch sử, các hình thức tổ chức cộng đồng tộc người ban đầu đã bị tan vỡ từ lâu, địa vực cư trú của hầu hết các tộc bị xé lẻ. Do vậy, không còn thấy các hình thức tổ chức chính trị - xã hội truyền thống tương ứng với từng tộc riêng biệt, chỉ có hình thức tổ chức chính trị - xã hội ứng với từng khu vực, tập hợp người của các tộc hay các bộ phận tộc người cùng cư trú cạnh nhau (21). Dù sinh sống trong tổ chức Mường, xã, phủ, huyện, châu, động, sách, hay chỉ có làng, bản, buôn v.v... làng luôn luôn đóng vai trò then chốt và cơ bản trong hệ thống xã hội cổ truyền. Song, đến nay, làng của các tộc thiểu số còn chưa được nghiên cứu sâu: rất ít thấy có những chuyên khảo dày dặn như đối với làng người Kinh, phổ biến mới chỉ là các đoạn, các phần viết chung trong những monographie về từng tộc hay từng địa phương, hoặc là lẻ tẻ một số

bài viết trong ít cuốn sách khác, hay trên tạp chí Dân tộc học, tạp chí Nghiên cứu lịch sử, v.v...

3. Nghiên cứu về tổ chức và quan hệ xã hội góp phần không thể thiếu được để xác định tính chất và trình độ phát triển của xã hội các dân tộc. Trong bước đường cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới cao đẹp, văn minh, hạnh phúc hơn, cần kế thừa và phát triển những di sản sẵn có, hạn chế và xóa bỏ các yếu tố tiêu cực, lỗi thời. Muốn thực hiện được ý tưởng ấy, điều dễ hiểu là phải nghiên cứu cơ bản thật tốt và đầy đủ. Song, chưa hài lòng được trước những kết quả nghiên cứu về tổ chức và quan hệ xã hội các dân tộc, trước hết bởi mấy lẽ sau:

- Nghiên cứu chưa tương tậm, kỹ lưỡng. Có thể nói, chúng ta mới chỉ nghiên cứu bước đầu, đại quát, trên diện rộng. Sau giai đoạn đó, phải nghiên cứu theo hướng chuyên sâu. Nhưng yêu cầu này chưa được thực hiện như mong muốn. Còn phổ biến tình trạng nhiều dân tộc mới được dành cho một vài chục trang, thậm chí chỉ mấy trang, viết về tổ chức và quan hệ xã hội của họ.

- Việc nghiên cứu cụ thể còn thiếu đến mức trầm trọng. Chẳng hạn, để có thể nghiên cứu ở tầm khái quát một cách xác đáng và tin cậy về làng, về mường, về xã hội của cư dân nào đó, lẽ ra phải có đủ những công trình nghiên cứu về nhiều làng, nhiều mường, nhiều thành tố của tổ chức và quan hệ xã hội. Đáng tiếc, chúng ta chưa làm được một cách khoa học và "lý tưởng" như thế. Cho nên, tư liệu góp nhặt chắp vá kiểu phiến đoạn, nghiên cứu không phải đã luôn đạt tính hệ thống, có khi còn "có sao dùng vậy", "gặp đâu hay đấy". Và thêm nữa, giờ nếu muốn đi vào nghiên cứu chuyên sâu - chỉ ít cũng với đa số các tộc, các vùng, chúng ta gặp khó khăn lớn nhất: thiếu tư liệu cụ thể, hoặc giả tư liệu không đồng bộ, nên không sử dụng được. Phần nhiều các công trình nghiên cứu, dù ở quy mô nào, thường

mang tính công thức chung, lại bị hạn chế bởi tư liệu không sâu kỹ, bị thu thú bởi xu hướng nặng về khái quát, quy nạp, và do đó, cung cấp hiểu biết nhiều khi chưa toàn diện, chưa rõ rệt, còn đại khái, chung chung.

- Cho tới nay, vẫn còn nhiều "vùng trắng", "điểm trắng" cần được nghiên cứu. Ngay đề tài làng xã người Kinh tuy xem chừng đã được nhiều người "ưu tiên" tìm hiểu, nhưng thực ra cũng mới chủ yếu nhằm vào vùng đồng bằng và một phần đã đề cập tới vùng trung du ở Bắc Bộ, còn suốt miền Trung và Nam Bộ hầu như chưa được nghiên cứu. Ngay đến công trình "Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ" dài gần 170 trang sách, mà tác giả chỉ mới dám coi là một "phác thảo", và "Thực ra, toàn bộ "phác thảo" cũng chỉ là một giả thuyết làm việc" (22). Hướng chi, với phần lớn các tộc khác, nhiệm vụ nghiên cứu tổ chức và quan hệ xã hội còn nặng nề hơn, nhiều việc hơn. Đặc biệt, để hiểu sâu sắc về xã hội của từng tộc, từng nơi, để phát hiện những khác biệt giữa các tộc, các vùng, cũng như giữa các nhóm địa phương trong cùng một tộc, phải nghiên cứu công phu một cách khoa học thực sự, trên cơ sở tư liệu phong phú, chi tiết, đầy đủ. Một số khía cạnh của đời sống xã hội thuộc phạm vi đang cần ở đây còn bỏ ngỏ, hoặc mới được nghiên cứu rất ít như vài nét chấm phá vậy, mặc dù lẽ ra chúng ta không thể lãng quên hay chậm trễ đến thế, ví dụ với luật tục ở nhiều dân tộc, với thiết chế lớp tuổi chẳng hạn.

Hẳn là, các chuyên gia am tường hơn về việc nghiên cứu trong lĩnh vực tổ chức và quan hệ xã hội các dân tộc sẽ đưa ra những lời bình sâu sát và đúng đắn quanh chủ đề này. Máy suy nghĩ tản mạn thoáng qua vừa nêu trên chỉ như những cảm nhận riêng của tôi, với mong muốn tìm cho mình một đường hướng làm việc tốt, đưa lại những kết quả giá trị hơn, lâu bền hơn.